

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 5 - 2023

V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân Ông Quách Minh Nhiên

Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST – HNGĐ ngày 24/02/2023 về việc “*Kiến xin ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đăng S. Sinh ngày 30 tháng 6 năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 333, tổ 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M. Sinh ngày 25 tháng 01 năm 1982. Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/2/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Đăng S trình bày: Tôi và cô Nguyễn Thị Thanh M kết hôn ngày 27 tháng 12 năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K (Nay là xã T, huyện L), tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại thành phố H. Cuộc sống vợ chồng chúng tôi chỉ hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chúng tôi không tìm được tiếng nói chung, mỗi người một tính, một nét, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 4 năm 2015 cô M đi xuất khẩu sang Đài Loan. Trong 03 năm đầu thỉnh thoảng cô M có điện thoại cho tôi, hỏi về tình hình gia đình. Tháng 7 năm 2018 cô M có về nhà 14 ngày, sau đó trở lại Đài Loan. Từ năm 2018 cô M và tôi liên lạc thưa dần. Khoảng 02 năm trở lại đây cô M không còn liên lạc với tôi nữa. Tôi biết cô M vẫn liên lạc với bố mẹ đẻ của cô ấy, tôi có xin địa chỉ cụ thể thì bố mẹ cô ấy cũng không biết vì chỉ liên lạc bằng điện thoại. Tôi thấy không còn tình cảm với cô M. Tôi xin được ly hôn cô M.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Bùi Minh H. Sinh ngày 19/7/2002. Cháu đã đủ 18 tuổi và đang sống cùng tôi, làm nghề sửa chữa xe máy. Cháu đã trưởng thành nên khi chúng tôi ly hôn cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Nguyễn Xuân T, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Ú, thành phố H, là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Thanh M. Ông T xác nhận việc anh S và chị M kết hôn tự nguyện, hợp pháp như trình bày của anh S. Sau khi kết hôn chị M về sống cùng anh S, vợ chồng cùng làm ăn ở thành phố H. Đến năm 2015 cháu M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc. Khoảng năm 2018 cháu về thăm nhà 02 tuần rồi lại đi tiếp đến nay chưa về. Việc anh S xin ly hôn với cháu M, gia đình ông cũng được biết vì cháu M điện thoại về tâm sự chuyện vợ chồng không hợp nhau và muốn ly hôn. Gia đình cũng khuyên can nhiều lần, khuyên cháu về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nhưng cháu M đã kiên quyết muốn ly hôn và không muốn ai khuyên giải nữa. Địa chỉ cụ thể của cháu M ở Đài Loan ông không biết vì cháu M không cho biết nên ông cũng không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Ông Nguyễn Tiến D, trưởng thôn H và ông Lô Trung Thành Á cán bộ Tư pháp xã H xác nhận lời khai của ông Nguyễn Xuân T.

Kết quả xác minh tại Công an tỉnh Hòa Bình, tại công văn số 291/CAT – PA08 ngày 29/3/2023 của phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hòa Bình cung cấp thông tin: Công dân Nguyễn Thị Thanh M đã sử dụng hộ chiếu để xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất ngày 28/7/2018 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đây là vụ án kiện xin ly hôn có yếu tố nước ngoài, Tòa án đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Đã tiến hành thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, bị đơn đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, hai người đã sống ly thân thời gian dài. Xét việc mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, cho anh Bùi Đăng S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M. Về con chung: Anh, chị có một con chung đã trên 18 tuổi, không thuộc trường phải nuôi dưỡng nên không đặt vấn đề giao con cho ai nuôi. Tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn xin ly hôn, có địa chỉ tại phường Đ, thành phố H, Hòa Bình. Bị đơn đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu trước khi xuất khẩu lao động tại phường Đ, thành phố H, Hòa Bình. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn xin ly hôn của anh Bùi Đăng S;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh S và chị M kết hôn ngày 27/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (trước đây là xã T). Đây là hôn nhân hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh S và chị M chung sống tại thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hôn nhân của anh, chị cũng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Tháng 4 năm 2015 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, năm 2018 chị M có về thăm gia đình 02 tuần rồi lại đi tiếp. Anh S, chị M ly thân thời gian dài từ 2018 đến nay, không

còn quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh S xin ly hôn.

Chị M hiện đang ở Đài Loan, Trung Quốc. Theo kết quả xác minh tại Công an tỉnh Hòa Bình thì chị M xuất cảnh nhiều lần qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, lần gần đây nhất là ngày 28/7/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Kết quả xác minh ở thôn H, xã H, huyện Ú, thành phố H, bố đẻ của chị M là ông Nguyễn Xuân T cũng xác nhận chị Mai hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, không cho biết địa chỉ. Gia đình cũng biết việc anh S và chị M xin ly hôn tại Tòa, chị M cũng đồng ý ly hôn nhưng từ chối cung cấp địa chỉ. Chứng tỏ bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Sinh và chị M trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sinh, cho anh S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M là có căn cứ.

Về con chung: Anh S, chị M có một con chung là Bùi Minh H, sinh ngày 19/7/2002. Cháu đã đủ 18 tuổi và đang sống cùng anh S. Cháu đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên khi ly hôn không thuộc trường hợp Tòa án phải giao cháu cho ai nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Bùi Đăng S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 127 của Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Đăng S.

Xử: Cho anh Bùi Đăng S được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh M.

Con chung: Anh S, chị M có một con chung là cháu Bùi Minh H, đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Bùi Đăng S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000884 ngày 24-2-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh HB;
- Cục THADS tỉnh HB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bạch Thị Hồng Hoa

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh HB;
- Cục THADS tỉnh HB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Thị Hồng Hoa